TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B
TỈNH LÀO CAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2020/HS-ST
Ngày 18 tháng 02 năm 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH LÀO CAI

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Ngô Đức Quang.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Cao Xe Mẩy .
Bà Phàng Thị Dở.

-Thư ký phiên toà: Bà Đặng Thu Hà - Thư ký toà án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai tham gia phiên toà: Ông Hoàng Đức Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 05/2020/TLST-HS ngày 17 tháng 01 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2020/QĐXXST-HS ngày 05/02/2020 đối với bị cáo:

Lương Văn N - (tên gọi khác: Không) - sinh ngày 17 tháng 01 năm 1988, tại huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Nơi cư trú: Thôn C, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hoá: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lương Văn K (đã chết) và bà Hoàng Thị H (đã chết).

Vợ: Bùi Thị T – sinh năm 1993.

Con: Bị cáo có 02 con lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2016.

Vợ và con bị cáo trú tại thôn C, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Bản án số 166/2010/HSST ngày 07/5/2010 của Tòa án nhân dân quận Đ, thành phố Hà Nội xử phạt Lương Văn N 24 tháng tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy, tính đến ngày phạm tội mới đã được xóa án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/12/2019. Hiện đang tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Lào cai. Có mặt tại phiên tòa

- Bị hại : Chị Lù Thị T - sinh năm 1973, tại huyện B, tỉnh Lào Cai.

Nơi cư trú: Thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Vắng mặt, đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án như sau: Khoảng 16 giờ ngày 17/11/2019, Lương Văn N đi xe ôm từ thôn Km0, xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai đến lều lán của một người đàn ông tên H ở thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai để đòi nợ. Khi đến nơi Lương Văn N không gặp được anh H, Lương Văn N đi bộ quay về thì nhìn thấy tại lề đường bên trái có 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu ESPERO, loại DETECH, BKS: 24HB - 076.90 là tài sản của chị Lù Thị T đang cắm chìa khóa tại ổ khóa điện. Lương Văn N quan sát thấy không có người xung quanh, nên nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe trên. Lương Văn N tiến lại gần khởi động, điều khiển xe mô tô đi theo đường tỉnh lộ 156 đến cổng nhà máy gạch Đức T thuộc thôn 3, xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai cất giấu. Sau đó, Lương Văn N đi bộ về thôn K, xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai để tìm người tiêu thụ thì bị Công an phát hiện và đưa về trụ sở UBND xã B để làm việc, tại đây Lương Văn N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đồng thời tự giác giao nộp chiếc xe mô tô.

Tại bản kết luận định giá số 22/KL.HDĐG ngày 28/11/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B kết luận: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu ESPERO, loại DETECH màu sơn xanh bạc, biển kiểm soát 24HB - 076.90 giá trị còn lại là 8.000.000 (tám triệu đồng).

Cáo trạng số 05/CT - VKS ngày 14/01/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai, truy tố ra trước Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai để xét xử đối với bị cáo Lương Văn N về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Tuyên bố bị cáo Lương Văn N phạm tội "Trộm cắp tài sản".

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h, s khoản 1 Điều 51Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lương Văn N từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

+ Về hình phạt bổ sung: Không cần áp dung hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

+ Về vật chứng: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu ESPERO, loại DETECH màu sơn xanh bạc, biển kiểm soát 24HB - 076.90, cơ quan điều tra Công an huyện Bát Xát đã trả lại cho bị hại là đúng quy định của pháp luật. Nên không đề cập xử lý.

+ Về bồi thường dân sự: Bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường. Do vậy không giải quyết trong vụ án này.

- Bị hại chị Lù Thị T vắng mặt, trong đơn đề nghị xét xử vắng mặt bị hại đề nghị: Về phần hình phạt đối với bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật. Về phần bồi thường bị hại đã nhận được tài sản bị mất, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường khoản tiền nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tội danh và hình phạt: Tại phiên toà hôm nay, bị cáo Lương Văn N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận của bị cáo đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã truy tố đối với bị cáo và phù hợp với lời khai của bị hại, cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã đủ cơ sở kết luận, bị cáo Lương Văn N là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu, lén lút chiếm đoạt chiếc xe mô tô giá trị 8.000.000đ*(tám triệuđồng)* đã cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Hành vi của bị cáo N là nguy hiểm cho xã hội xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội tại địa phương. Nên đưa vụ án ra xét xử công khai tại phiên tòa hôm nay là cần thiết, thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật đối với người phạm tội. Đối với bị cáo N có nhân thân xấu đã từng có tiền án, nhưng không ăn năn hối cải, để trở thành công dân có ích cho xã hội mà sau khi được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội. Nên cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ điều kiện giáo dục, cải tạo.

Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Bị cáo N không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sư, được hưởng hai tình tiết giảm nhẹ theo quy định của tại điểm h,s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Vì bị cáo phạm tội gây thiệt hại không lớn, tài sản trộm cắp đã kịp thời thu hồi trả lại cho bị hại; sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo.

[2] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy không cần phải áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự đối với bị cáo N vẫn đủ tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[3] Về vật chứng gồm: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu ESPERO, loại DETECH màu sơn xanh bạc, biển kiểm soát 24HB - 076.90. Quá trình điều tra cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại là phù hợp. Không đề cập xử lý.

[4] Về bồi thường dân sự: Bị hại đã nhận được tài sản bị mất, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường dân sự. Nên không đề cập giải quyết.

[5] Về hành vi và quyết định tố tụng của Điều tra viên, cơ quan cảnh sát Điều tra Công an huyện B, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự và bị cáo, bị hại không có khiếu nại gì. Do đó các hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[6] Về án phí: Bị cáo Lương Văn N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ *(hai trăm nghìn đồng)* theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về án phí, lệ phí Toà án

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h,s khoản 1 Điều 51Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về án phí, lệ phí Toà án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lương Văn N phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Về mức hình phạt: Xử phạt bị cáo Lương Văn N 08 (tám) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam bị cáo 17/12/2019.

3. Về án phí: Buộc bị cáo Lương Văn N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng *(hai trăm nghìn đồng)*

4. Quyền kháng cáo đối với bản án: Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Đức Quang

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Bị cáo; bị hại;
- Phòng hồ sơ NV Công an tỉnh;
- CCTHADS huyện;
- CQCSĐT Công an huyện;
- CQTHAHS Công an huyên;
- Sở Tư pháp tỉnh Lào cai;
- Lưu HS-THS-THAHS (4);

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Cao Xe Mẩy **Phàng Thị Dở** **Ngô Đức Quang**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Bị cáo; bị hại;
- Phòng hồ sơ NV Công an tỉnh;
- CCTHADS huyện;
- CQCSĐT Công an huyện;
- CQTHAHS Công an huyên;
- Sở Tư pháp tỉnh Lào cai;
- Lưu HS-THS-THAHS (4);

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Đức Quang

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Bị cáo; bị hại;
- Phòng hồ sơ NV Công an tỉnh;
- CCTHADS huyện;
- CQCSĐT Công an huyện;
- CQTHAHS Công an huyên;
- Sở Tư pháp tỉnh Lào cai;
- Lưu HS-THS-THAHS (4);

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Đức Quang